

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33 /2024/HNGĐ-ST
Ngày: 10/4/2024
V/v: “Xin ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thanh Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Vũ
- Ông Đường Thanh Chánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

Trong ngày 10 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình đã thụ lý số: 196/2023/TLST-HNGĐ ngày 10/10/2023 về việc: “Xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/02/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15/3/2024. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà [Nguyễn Thi H](#) năm 1966.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre

Bị đơn: Ông [Nguyễn Văn T](#) năm 1965.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre

Bà [H1](#) đơn xin giải quyết vắng mặt, ông T vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/8/2023 và bản tự khai ngày 06/11/2023 nguyên đơn bà [Nguyễn Thi H2](#) trình bày:

Bà và ông T tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T10, huyện M (nay là huyện M), tỉnh Bến Tre vào ngày 05/9/1996.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng càng về sau càng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do trong cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, ông [T2](#) hay đánh đập bà, giữa vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm trong mọi vấn đề của cuộc sống. Do cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà không còn tình cảm với ông [T3](#). Do đó, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà và ông T được ly hôn với nhau.

- Về con chung: Bà và ông [T4](#) một con chung tên [Nguyễn Thanh S](#) năm 1993 hiện nay con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn bà không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng.

- Về tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có.

Bị đơn ông [Nguyễn Văn T5](#) triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân; Bị đơn [Nguyễn Văn T6](#) hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống, có mặt tại [xã T, huyện M](#) khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do lần thứ hai. Do đó, căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: bà [Nguyễn Thi H2](#) và ông [Nguyễn Văn T7](#) xác lập hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tiến hành đăng ký kết hôn tại [Ủy ban nhân dân xã T10](#), huyện M (nay là huyện M), tỉnh Bến Tre vào ngày 05/9/1996. Xét thấy, hôn nhân của bà H và ông T đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật hôn nhân gia đình nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông bà cũng có thời gian dài chung sống hạnh phúc nhưng vì những mâu thuẫn trong cuộc sống gia đình mà đã dẫn đến việc bà H xin ly hôn. Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà H cho rằng: nguyên nhân vợ chồng mất hạnh phúc là do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn bất

đồng quan điểm sống, ông [T2](#) hay đánh đập bà, giữa vợ chồng không có tiếng nói chung,..

[4] Hội đồng xét xử thấy rằng theo trình bày của bà [H3](#) vợ chồng bà do nhiều nguyên nhân khác nhau dẫn đến mâu thuẫn. Bà đã nhiều lần cố gắng hàn gắn và nói chuyện với ông [T8](#) tìm cách khắc phục mâu thuẫn gia đình nhưng hai vợ chồng vẫn không có tiếng nói chung, dẫn đến việc bà [H4](#) kiện xin ly hôn. Đồng thời, Tòa án đã tiến hành mời ông T đến Tòa nhiều lần để hòa giải, tạo điều kiện hàn gắn hôn nhân cho ông bà nhưng ông T vắng mặt không có lý do điều đó chứng tỏ ông không có thiện chí hàn gắn hôn nhân cùng bà [H5](#) Tại văn bản xác nhận ngày 19/8/2023 của anh [Nguyễn Thanh S1](#) – con chung của bà [H6](#) ông [Tanh S2](#) rằng anh đã chứng kiến nhiều lần cha mẹ phát sinh mâu thuẫn, cha anh thường xuyên đánh mẹ và cha mẹ anh cũng từng tìm cách hàn gắn, nói chuyện với nhau nhưng vẫn không cải thiện được mâu thuẫn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H là phù hợp.

[5] Khi ly hôn bà [H7](#) yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về con chung: trong thời gian sống chung bà H và ông T có một con chung tên [Nguyễn Thanh S](#) năm 1993 hiện nay con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về tài sản chung: bà H trình bày tài sản chung để vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án ông T không có văn bản trình bày ý kiến gì về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trường hợp các bên có tranh chấp thì được quyền khởi kiện trong một vụ án khác.

[8] Về nợ chung: bà H trình bày không có nên không đề cập.

[9] Về án phí ly hôn: bà [Nguyễn Thi H8](#) chịu án phí theo quy định pháp luật.

[10] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà [Nguyễn Thi H9](#)

Bà Nguyễn Thị H2 được ly hôn với ông Nguyễn Văn T9

2. *Về nuôi con chung*: Con chung tên Nguyễn Thanh S năm 1993; hiện nay con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

3. *Về tài sản chung*: Bà Nguyễn Thị H2 trình bày tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. *Về nợ chung*: Bà Nguyễn Thị H2 trình bày không có nên không đề cập.

5. *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà Nguyễn Thị H2 phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0005393 ngày 10/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mô Cày Bắc, tỉnh Bến Tre nên không còn phải nộp thêm.

6. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKS nhân dân huyện Mô Cày Bắc;
- Chi cục THADS huyện Mô Cày Bắc;
- UBND xã Tân Bình, số 170 ngày 05/9/1996;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thanh Minh